

Bản án số: 159/2024/DS-ST
Ngày 10 – 9 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Phong

Ông Võ Tấn Liêm

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa: Bà Trần Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2024/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hợp tác xã X- D.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1956- Chức vụ: Giám đốc Hợp tác xã X- D (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Bà Võ Thị L1, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Huỳnh Vũ L2, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Ủy ban nhân dân thị trấn C (Vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Châu Quốc H**- Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C.

Địa chỉ: **Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2024 và các lời khai tại Tòa án, ông **Nguyễn Thành L**- Đại diện **Hợp tác xã X - D** (Nguyên đơn) trình bày:*

Đầu năm 2024 Hợp tác xã xây dựng **L-D** ký hợp đồng với Ủy ban nhân dân thị trấn C nhận thi công, công trình lộ giao thông nông thôn lộ 3m, trên địa bàn **khóm Đ**. Theo chương trình nhà nước và nhân dân cùng làm, Ủy ban nhân dân thị trấn C giao cho đơn vị thi công phối hợp với **khóm Đ** đến hộ dân hợp đồng tự thu. Tổng số tiền đầu tư xây dựng qua phần đất của gia đình ông **Phạm Văn T** là 109.392.000 đồng, nhà nước đầu tư 80% số tiền là 88.192.000 đồng, gia đình ông **T** đóng 20% số tiền là 21.200.000 đồng. Ngày 22/02/2024 **Hợp tác xã X** và anh **Huỳnh Vũ L2** (Trưởng **khóm Đ**) đến hộ gia đình ông **T** cùng bàn bạc, đi đến thống nhất đồng ý thi công. Sau khi khởi kiện, ông **T** và bà **L1** đã trả được số tiền là 9.000.000 đồng. Nay Hợp tác xã xây dựng **L- D** yêu cầu ông **T** và bà **L1** trả số tiền còn thiếu là 12.200.000 đồng.

*Tại biên bản làm việc của Tòa án ngày 02/8/2024, ông **Phạm Văn T** và bà **Võ Thị L1** (Bị đơn) trình bày:*

Ông bà thừa nhận, khi làm lộ nông thôn qua phần đất thì gia đình còn nợ Hợp tác xã xây dựng **L-D** số tiền là 21.200.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay ông bà vừa trả cho anh **Huỳnh Vũ L2** số tiền là 9.000.000 đồng, không có biên nhận. Nay ông bà đồng ý trả cho **Hợp tác xã X-D** số tiền còn thiếu là 12.200.000 đồng, do đối trừ số tiền đã trả là 9.000.000 đồng.

*Tại lời khai tại Tòa án, ngày 02.8.2024 và ngày 05.8.2024, anh **Huỳnh Vũ L2** (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:*

Đầu năm 2024 Hợp tác xã xây dựng **L-D** ký hợp đồng với Ủy ban nhân dân thị trấn C thi công công trình lộ giao thông nông thôn trên địa bàn **khóm Đ**. Ủy ban nhân dân thị trấn C-D phối hợp cùng Ban nhân dân khóm Đồng Tâm thu của gia đình ông **T** số tiền là 21.200.000 đồng. Anh không có nhận số tiền là 9.000.000 đồng từ vợ chồng ông **T** để trả cho **Hợp tác xã X-D**.

Tại phiên tòa:

Ông **Lê xác Đ** ông **T** và bà **L1** đã có trả cho **Hợp tác xã X- D** số tiền là 9.000.000 đồng nên yêu cầu trả số tiền là 12.200.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã X-D. Buộc ông Phạm Văn T và bà Võ Thị L1 có nghĩa vụ trả cho Hợp tác xã X-D số tiền là 12.200.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng), về án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Phạm Văn T, bà Võ Thị L1 và anh Huỳnh Vũ L2 có yêu cầu xét xử vắng mặt, phía đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn C vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà L1, anh L2 và Ủy ban nhân dân thị trấn C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:*

Tranh chấp giữa nguyên đơn Hợp tác xã xây dựng L - D và bị đơn ông Phạm Văn T, bà Võ Thị L1 là “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” được quy định tại Điều 513 Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm Văn T, bà Võ Thị L1 có địa chỉ cư trú tại khóm Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Tại phiên tòa, ông L yêu cầu ông T, bà L1 trả số tiền là 12.200.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Phía ông T, bà L1 có ý kiến đồng ý trả Hợp tác xã xây dựng L-D số tiền là 12.200.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, đối với yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã xây dựng L-D thì ông T và bà L1 thừa nhận có đồng ý thi công, công trình lộ nông thôn trên phần đất gia đình, ông bà phải thanh toán cho Hợp tác xã X-D số tiền là 21.200.000 đồng. Tuy nhiên, ông bà vừa mới trả cho anh Huỳnh Vũ L2 số tiền là 9.000.000 đồng nên đồng ý trả cho Hợp tác xã X-D số tiền còn thiếu lại là 12.200.000 đồng. Anh L3 cho rằng không nhận từ ông T, bà L1 số tiền là 9.000.000 đồng để trả cho Hợp tác xã X-D. Tại phiên tòa, đại diện Hợp tác xã X-D xác định hiện ông T, bà L1 đã có trả số tiền là 9.000.000 đồng nên yêu cầu trả số

tiền còn thiếu là 12.200.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, sự việc ông T và bà L1 có thiếu Hợp tác xã xây dựng L-D số tiền là 12.200.000 đồng là thực tế có xảy ra, được ông T, bà L1 thừa nhận và đồng ý trả. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã X-D, buộc ông T và bà L1 phải có nghĩa vụ trả cho Hợp tác xã X-D số tiền là 12.200.000 đồng. Hợp tác xã xây dựng L - D không yêu cầu tiền lãi suất nên không đặt ra xem xét.

[4] Đối với anh Huỳnh Vũ L2 và Ủy ban nhân dân thị trấn C không có yêu cầu gì trong vụ án nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông T và bà L1 thuộc trường hợp người cao tuổi có yêu cầu xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 271, 273, 278 và 280 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 513, 519, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã X -D.

1. Về nội dung:

Buộc ông Phạm Văn T và bà Võ Thị L1 phải có nghĩa vụ trả cho Hợp tác xã X - D số tiền là 12.200.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Ông **Phạm Văn T**, bà **Võ Thị L1** được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hợp tác xã X không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền dự nộp tạm ứng án phí là 530.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0013439, ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, **Hợp tác xã X -D** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng

